

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày: 08 – 5 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tua

Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tạo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 22/2020/TB-TA ngày 09 tháng 4 năm 2020; Thông báo hoãn phiên tòa số: 27/2020/TB-TA ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996; Tên gọi khác: Không có; Nơi thường trú: ấp 7A2, xã B, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Út N; Bị cáo chưa có vợ và chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2019 đến 01/11/2019 chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Ngô Văn K, sinh năm: 1998.

Nơi cư trú: ấp 7A1, xã B, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. Anh Võ Trung H, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: ấp 3, xã B, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng T1, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: ấp 8, xã B, huyện T, tỉnh H.

Chỗ ở: ấp 1, thị trấn O, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

2. Anh Trần Hoàng N, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh H (có mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện R, tỉnh G (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Hồ Văn T2, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: ấp 8, xã C, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

2. Chị Cao Kim B, sinh năm: 1976.

Nơi cư trú: ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: ấp 4, xã B, huyện T, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn T đến tiệm cầm đồ “24H”, thuộc ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh H do anh Trần Hoàng N làm chủ cầm chiếc điện thoại di động (ĐTDD) hiệu Samsung Galaxy M20 M205 với số tiền là 5.000.000 đồng. Sau khi sử dụng hết số tiền trên, trong ngày T tiếp tục quay lại tiệm “24H” cầm thêm chiếc ĐTDD trên nhiều lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

Ngày 28/5/2019, do không có điện thoại sử dụng nên T đến gặp anh N hỏi mượn lại chiếc ĐTDD đã cầm để sử dụng và hứa vài ngày sau sẽ trả lại nên anh N đồng ý.

Ngày 30/5/2019, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định đem chiếc ĐTDD hiệu Samsung Galaxy M20 M205 đi bán lấy tiền tiêu xài cá

nhân. Do đó, T đi đến tiệm ĐTDĐ “Quốc Khải” thuộc ấp 1, xã V do anh Võ Phúc K1 làm chủ bán ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy M20 M205. Khi bán điện thoại thì T có đưa hóa đơn chứng từ mua bán và điện thoại còn mới nên anh K1 không có hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại trên do đâu mà có. Sau đó, anh K1 đã bán cho người khác nhưng không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể. Số tiền bán điện thoại có được, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận còn thực hiện hai vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 31/5/2019, anh Ngô Văn K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 49E1-299.71 đến nhà anh Hồ Văn T2 thuộc ấp 8, xã C, huyện V, tỉnh H. Đến nơi, anh K gặp anh T2 và T đang ngồi nói chuyện với nhau. Lúc này, T hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49E1-299.71 chạy đi huyện M, tỉnh H để mượn tiền thì được anh K đồng ý và giao xe cho T. T chạy xe đi được một đoạn thì thấy người hơi mệt nên quay lại tiệm cầm đồ “24H” để tính tiền chiếc ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy M20 M205 đã cầm trước đó cho anh N. Do không có tiền trả nên T nảy sinh ý định cầm chiếc xe của anh K cho anh N nhưng do xe không có Giấy chứng nhận đăng ký xe nên T quay lại nhà anh T2 hỏi anh K cho mượn Giấy chứng nhận đăng ký xe với lý do đi công chuyện. Anh K nói giấy cầm xe đã cầm ở tiệm cầm đồ “Quốc Thoại” thuộc ấp 1, xã B, huyện V, tỉnh H do bà Cao Kim B làm chủ với số tiền là 600.000 đồng. Lúc này, anh K dẫn T lại tiệm cầm đồ “Quốc Thoại” chuộc giấy chứng nhận đăng ký xe và T đưa anh K về lại nhà anh T2. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49E1-299.71 đến tiệm cầm đồ “24H” cầm cho anh N lấy số tiền là 17.000.000 đồng. T khấu trừ số tiền đã cầm điện thoại trước đó là 10.000.000 đồng, còn lại T được nhận 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, do anh N không đủ tiền nên chỉ đưa T 6.600.000 đồng. Số tiền cầm xe có được, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày 17/6/2019, anh Võ Trung H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 biển kiểm soát 95C1-054.89 đến nhà anh T2 chơi thì gặp T. Lúc này, T hỏi mượn xe anh H đi huyện V mượn tiền thì anh H đồng ý và giao xe. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95C1-054.89 đến nhà anh Lê Hoàng T1 thuộc ấp 8, xã V, huyện H chơi và gặp anh Nguyễn Thành C. Trong lúc nói chuyện, T thấy anh T1 không có tiền xài nên T nói với anh T1 “Cầm dùm em chiếc xe”, anh T1 hỏi “Xe của ai?” thì T trả lời “Xe của bạn cho mượn cầm!”. Anh T1 tiếp tục hỏi “Xe có giấy tờ gì không?” thì T nói “Không có mượn giấy” nên T1 đồng ý mang xe đi cầm. Lúc này, anh T1 nhờ anh C lấy xe của C chạy

theo để rước T1 về. T1 và C điều khiển hai xe mô tô chạy đến nhà anh Trần Quang T4 thuộc ấp X, xã H, huyện R, tỉnh G để cầm xe mô tô biển kiểm soát 95C1-054.89 nhưng anh T4 không có nhà. Lúc này, T1 mới gọi điện thoại cho anh T4 hỏi thể chấp chiếc xe nêu trên thì anh T4 gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Đ kêu qua xem xe có cầm được không. Anh Đ qua nhà anh T4 xem xe rồi hỏi anh T1 “Xe có giấy tờ gì không?” thì T1 nói “Xe của bạn cho mượn cầm” và cam đoan xe không phải do vi phạm pháp luật mà có. Anh Đ hỏi “Có chứng minh nhân dân không?”, do T1 không có nên đã mượn giấy chứng minh nhân dân của anh C thể chấp cho anh Đ để cầm xe lấy số tiền 10.000.000 đồng. Anh T1 và C cầm tiền về đưa lại cho T nhưng hỏi mượn lại 7.000.000 đồng và hứa chiều sẽ trả lại thì T đồng ý cho mượn. Tuy nhiên, chiều cùng ngày T1 không có tiền trả lại nên đã đưa xe mô tô hiệu Dream, biển kiểm soát 95B1-556.44 của T1 cho T đem qua tiệm cầm đồ “24H” cầm với số tiền 3.000.000 đồng trả cho T. Do vẫn còn thiếu tiền của T nên sau đó, anh T1 tiếp tục mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Click, biển kiểm soát 95H1-3889 của anh C và cùng anh C đến tiệm cầm đồ “24H” cầm để lấy tiền trả cho T.

Sau khi biết sự việc T đem xe đi cầm nên các ngày 02/6/2019 và 09/7/2019 các anh Ngô Văn K và Võ Trung H đến công an trình báo. Đối với Nguyễn Văn T bỏ trốn đến ngày 23/10/2019 đến Công an phường Q, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay.

Tại bản kết luận giám định về tài sản số: 944/KL-HĐ.ĐGTS ngày 08/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 49E1-299.71 có tổng giá trị tài sản là 14.400.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định về tài sản số: 1133/KL-HĐ.ĐGTS ngày 06/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135, biển kiểm soát 95C1-054.89 có tổng giá trị tài sản là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định về tài sản số: 2152/KL-HĐ.ĐGTS ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M20 M205 có tổng giá trị tài sản là 3.992.000 đồng (Ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại Ngô Văn K và Võ Trung H đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hoàng T1 đã trả lại cho bị cáo T 7.000.000 đồng tiền bị cáo T cho mượn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.600.000 đồng; Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy thu giữ vật chứng và đồ vật liên quan đến vụ án và đã trả lại cho bị hại và đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS-HVT, ngày 05/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để xét xử về “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang giữ nguyên Quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt tù từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Hoàng N số tiền 16.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 6.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với các xe mô tô bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, đối với 02 hợp đồng cầm cố tài sản đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không yêu cầu bị hại Ngô Văn K trả lại số tiền 600.000 đồng là số tiền bị cáo chuộc lại giấy Đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 49E1-277.71.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Hoàng N khai nhận khi cầm tài sản, không biết tài sản đó do bị cáo phạm tội mà có; Anh Trần Hoàng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.600.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa,

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các bị hại Ngô Văn K, Võ Trung H; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1, Nguyễn Văn Đ; các người làm chứng Hồ Văn T2, Cao Kim B, Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các đương sự đã cung cấp lời khai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận sau khi mượn được tài sản là xe mô tô của các bị hại Ngô Văn K vào ngày 31/5/2019 và Võ Trung H vào ngày 17/6/2019, bị cáo đã đem cầm cho anh Trần Hoàng N và Nguyễn Văn Đ để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Quá trình điều tra đã chứng minh được giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Ngô Văn K một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 49E1-299.71 có giá trị là 14.400.000 đồng và của anh Võ Trung H một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135, biển kiểm soát 95C1-054.89 có giá trị là 13.800.000 đồng. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa, với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm

chúng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Xét thấy, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại sau khi mượn được tài sản, bị cáo đem cầm cho người khác lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử bị cáo về tội danh cũng như tình tiết định khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với hành vi bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Trần Hoàng N là 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy M20 M205 theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M20 M205 có giá trị là 3.992.000 đồng, chưa đủ định lượng, yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã xử phạt hành chính đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trong đó, có 02 lần giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo đã bồi thường được số tiền 4.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Đ, bị cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Nguyễn Văn T là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo là người có sức khỏe nhưng không lo tìm công việc để có thu nhập nuôi sống bản thân. Trái lại, với bản tính lười biếng, thích hưởng thụ, nhanh chóng muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án

này bị cáo 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm suy giảm lòng tin với nhau trong nhân dân, gây mất ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét, đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt, tương xứng. Với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xét thấy mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với anh Trần Hoàng N, Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng T1 quá trình điều tra chứng minh được khi cầm xe, đem xe đi cầm không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân:

[9.1] Đối với số tiền 600.000 đồng là số tiền bị cáo chuộc lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0279908 biển kiểm soát 49E1-277.71 của anh Ngô Văn K, bị cáo không yêu cầu anh Ngô Văn K trả lại nên không xem xét.

[9.2] Anh Trần Hoàng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 16.600.000 đồng; Anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường 4.000.000 đồng, số tiền còn lại 6.000.000 đồng bị cáo chưa bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra đã chứng minh được anh Trần Hoàng N và anh Nguyễn Văn Đ khi

cầm tài sản không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trần Hoàng N và anh Nguyễn Văn Đ số tiền đã bỏ ra để cầm xe. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Hoàng N số tiền là 16.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 6.000.000 đồng.

[10] Về vật chứng: Đối với các xe mô tô đã trả lại cho bị hại trong quá trình điều tra. Đối với 01 hợp đồng cầm cố tài sản, đề ngày 27/5/2019 giữa Nguyễn Văn T với dịch vụ cầm đồ “24H”, tài sản cầm: ĐTDĐ hiệu Samsung A50 (được lưu theo hồ sơ vụ án, BL23); 01 hợp đồng cầm cố tài sản, đề ngày 27/5/2019 giữa Nguyễn Văn T với dịch vụ cầm đồ “24H”, tài sản cầm: một xe Exciter, biển kiểm soát 49E1-299.71 (được lưu theo hồ sơ vụ án, BL24).

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[12] *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 47, Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Điều 23; Điều 26 và Danh mục án phí của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

[2.1] Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Hoàng N số tiền là 16.600.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

[2.2] Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

[2.3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 hợp đồng cầm cố tài sản, đề ngày 27/5/2019 giữa Nguyễn Văn T với dịch vụ cầm đồ “24H”, tài sản cầm: ĐTDĐ hiệu Samsung A50 (BL23); 01 hợp đồng cầm cố tài sản, đề ngày 27/5/2019 giữa Nguyễn Văn T với dịch vụ cầm đồ “24H”, tài sản cầm: một xe Exciter, biển kiểm soát 49E1-299.71 (BL24).

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.130.000 đồng (*Một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, Ngô Văn K, Võ Trung H, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân tại xã phường nơi bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- VKSND tỉnh Hậu Giang (1b);
- Sở TP tỉnh HG (1b);
- VKSND H. Vị Thủy (1b);
- Công an H. Vị Thủy (1b);
- CCTHADS H. Vị Thủy (1b);
- Bị cáo (1b);
- 03 Người liên quan (3b);
- Lưu HSA; VP.

(Đã ký)

Lư Trường Tây

